

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 17/2018/HS-PT
Ngày 24-01-2018.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Triết.

Các Thẩm phán: Ông Doãn Đình Quyền

Bà Trần Thị Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thê, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 24/01/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 419/2017/HSPT ngày 04/12/2017 đối với bị cáo Lâm Ngọc T về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”, do có kháng cáo của bị cáo Lâm Ngọc T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2017/HS-ST ngày 26 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **LÂM NGỌC T**, sinh ngày 22/9/1995 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi ĐKKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn S, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; trình độ học vấn: 02/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Lâm Đình Q, sinh năm 1969, hiện đang trú tại Thôn S, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk và con bà Trần Thị L, sinh năm 1972, hiện đang trú tại: huyện Đ, tỉnh Gia Lai; tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 13/02/2017 bị Công an thị xã B ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng.

Bị cáo tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, còn có bị cáo Phạm Minh C không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

Những người tham gia tố tụng khác:

- *Người bị hại:* Ông Phạm Ngọc A, sinh năm 1970; trú tại: Thôn X, xã M, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Võ Tấn D; trú tại: Thôn N, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt).
2. Ông Lâm Đình Q; trú tại: Thôn S, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt).
3. Ông Phạm C1; trú tại: Thôn X, xã M, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 17/6/2017, Phạm Minh C quan sát thấy nhà chú ruột Phạm Ngọc A khóa cửa, không có người trông coi nên C dùng một chiếc thang bằng sắt dựng phía sau nhà ông A rồi trèo lên mái nhà, dùng một chiếc mỏ lết vặn mở 06 con ốc vít ở tấm tôn ra để đột nhập vào trong nhà. C vào phòng ngủ của ông A lục tìm lấy được số tiền 100.000đ ở trong chiếc ví màu đen. C sang phòng ngủ con gái ông A thì thấy 01 chiếc máy tính xách tay hiệu Asus, loại E502MA, màu đen, C bỏ chiếc máy tính vào túi xách vải màu đen và trèo ra ngoài bằng lối cũ. Khi ra ngoài, C đẩy tấm tôn và gắn ốc vít lại như ban đầu. Sau đó, C mang chiếc máy tính đến nhà ông Võ Tấn D cầm cố lấy 1.000.000đ. Đến khoảng 09 giờ 30 phút ngày 20/6/2017, C đến nhà Bùi Văn P chơi và mượn điện thoại của P gọi cho Lâm Ngọc T rủ lên nhà P chơi. Khoảng 12 giờ cùng ngày, T điều khiển xe mô tô hiệu Jupiter màu xanh, biển số 47P5-9021 của bố mẹ tới nhà P. Lúc này, C nói với T *“Tao có lấy trộm một máy tính xách tay của bà con và cầm cho thằng D với số tiền 1.000.000 đồng, máy còn mới lắm mày có chuộc ra để bán kiếm lời không?”* Nghe vậy, T đồng ý. T lấy 1.000.000đ đưa cho C rồi điều khiển xe mô tô đến nhà D để chuộc lại máy tính. Sau đó, T chở C quay lại nhà P, P hỏi C *“Túi xách này đựng gì vậy?”* C nói *“Đựng máy tính”*, P hỏi tiếp *“Chiếc máy tính này mày lấy ở đâu?”*, thì C nói *“Tao lấy trộm của một người bà con”*. Nghe vậy P không nói gì. T hỏi C *“Giờ bán máy ở đâu?”* C nói *“Bán máy ở xã H, huyện K chứ bán ở B dễ bị phát hiện”*. T đồng ý điều khiển xe mô tô chở C đến xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk để hỏi bán nhưng không bán được, nên T chở C quay lại nhà P. Trên đường về, T nói máy tính bán không được thì đưa cho T dùng coi như T mua lại của C với giá 1.000.000đ. C đồng ý đưa máy tính cho T cầm về.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 295/HĐĐG ngày 13/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã B, tỉnh Đắk Lắk kết luận: 01

chiếc máy tính xách tay hiệu Asus, màu đen, loại E502MA trị giá 5.300.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định: Chiếc xe mô tô Jupiter màu xanh, biển số 47P5-9021 Lâm Ngọc T sử dụng thuộc quyền sở hữu của ông Lâm Đình Q (Bố của T). Khi T sử dụng chiếc xe trên ông Q không biết T sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B không xử lý.

Chiếc thang Phạm Minh C sử dụng để trèo vào nhà ông A là của ông Phạm C1, quá trình sử dụng ông C1 đã làm mất; đối với chiếc mỏ lết C sử dụng để mở tấm tôn, sau khi thực hiện hành vi C đã vút vào vườn của nhà một người dân. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tổ chức truy tìm 02 vật chứng nói trên nhưng không thấy.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 54/2017/HSST ngày 26/10/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk, quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Lâm Ngọc T phạm tội: “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Áp dụng khoản 1 Điều 250; các điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Lâm Ngọc T 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về các biện pháp tư pháp, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/10/2017, bị cáo Lâm Ngọc T có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng và bản án hình sự sơ thẩm.

Quá trình tranh luận, Đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và khẳng định bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ đã tuyên xử bị cáo Lâm Ngọc T về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự là đúng pháp luật. Xét mức hình phạt 09 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo không tranh luận, bào chữa gì thêm, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai và lời nhận tội của bị cáo Lâm Ngọc T tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận, bị cáo Lâm Ngọc T đã có hành vi tiêu thụ tài sản là 01 chiếc máy tính xách tay do bị cáo Phạm Minh C trộm cắp được. Do đó, bản án sơ thẩm số 54/2017/HSST ngày 26/10/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ đã xét xử bị cáo Lâm Ngọc T về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo, Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt 09 tháng tù mà bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo Lâm Ngọc T là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Bởi lẽ, bị cáo có 01 tiền sự về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục phạm tội, thể hiện sự coi thường pháp luật của bị cáo. Do đó, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe, cải tạo và phòng ngừa chung trong xã hội. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Phạm Ngọc A có đơn bãi nại cho bị cáo. Tuy nhiên, ông Phạm Ngọc A là người bị hại trong tội “*Trộm cắp tài sản*”, không phải là người bị hại trong tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” do bị cáo thực hiện, nên việc ông A có đơn bãi nại cho bị cáo T không được xem là tình tiết giảm nhẹ mới để làm căn cứ xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Ngoài ra, bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào khác. Từ các phân tích trên, đã có đủ cơ sở khẳng định các quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ pháp luật. Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo về xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo, cần giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt.

[3] Về án phí: Do không được chấp nhận kháng cáo nên bị cáo Lâm Ngọc T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự; áp dụng khoản 1 Điều 250; các điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lâm Ngọc T, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 54/2017/HSST ngày 26/10/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Xử phạt bị cáo Lâm Ngọc T 09 (Chín) tháng tù về tội: “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo Lâm Ngọc T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thị xã Buôn Hồ;
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- Công an thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Đình Triết